

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thúy

Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/ 2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 9, xã CL, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ hiện nay: 13267 B – W, S 13/ tầng 1, Cộng hòa Liên bang Đức. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn vào ngày 08/12/2017, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vì vậy, chị B đã quay trở về Đức và không muốn chung sống với anh nữa. Hiện nay vợ chồng anh không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị B vẫn đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân là không cần thiết. Anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh A xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị B gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam: Chị B xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của anh A. Về quan hệ hôn nhân, chị xác định sau

khi kết hôn anh chị có chung sống với nhau, nhưng do tính cách không hợp, giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên chị đã quay trở về Đức sinh sống. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm lẫn nhau, hôn nhân không thể cứu vãn. Về việc anh A xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Hiện nay, do chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Đức nên không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết vụ án. Chị đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại Xóm 9, xã CL, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn là người Cộng hòa Liên bang Đức, hiện đang làm việc và sinh sống tại Cộng hòa Liên Bang Đức. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 107 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ văn bản của Tòa án và đã có văn bản đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh A và chị B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh A khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng có chung sống một thời gian. Tuy nhiên do tính cách không hợp nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, sau đó chị B đã quay trở về Đức và không muốn chung sống với anh nữa. Hiện nay, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, chị B vẫn đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức.

Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị B. Bản thân chị B gửi văn bản trả lời quan điểm về việc giải quyết vụ án ly hôn cũng đồng quan điểm và nhất trí ly hôn với anh A.

Hội đồng xét xử thấy, mục đích hôn nhân giữa chị B và anh A đã không còn đạt được. Hai bên không còn tình cảm với nhau, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không có. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn chị B phù hợp với thực tế và quy định của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh A và chị B đều xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có căn cứ chấp nhận

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn chị B
2. Về con chung: Không có.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.
4. Án phí: Anh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008987 ngày 17/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị B được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- UBND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ , ngày 06 tháng 4 năm 2021.

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phan Thị Thúy

- Ông Nguyễn Văn Hòa

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lương Trường Sơn, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 9, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Chị B

Địa chỉ hiện nay: 13267 Berlin Charlottenburg – Wilmersdorf, Schweiggerweg 13/tầng 1, Cộng hòa Liên bang Đức. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Trường Sơn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn chị Lutgenau Xenia Pauline Anastasia
2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết do các đương sự không yêu cầu.
4. Án phí: Anh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008987 ngày 17/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

Anh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị B được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương